

DANH SÁCH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT CỦA CÁC HỘ DÂN ĐỂ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THỰC HIỆN

Dự án: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua xã Tân An, Đồng Nai.

(Ban hành kèm theo Văn bản số: 198 /CV-PKT ngày 08/4 /2026 của Phòng Kinh tế)

Stt	Họ tên	Địa chỉ	Số, ngày thông báo	Số tờ BĐDC	Số thửa	Diện tích thu hồi	Lợi đất thu hồi	GHI CHÚ
1	Chưa xác định	chưa xác định	196 /TB - UBND ngày30/3/2026	59	605	7011.9	ONT+SKC +CLN	
2	Chưa xác định	chưa xác định	228 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	636	284.4	HNK	
3	Chưa xác định	chưa xác định	226 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	634	289.0	HNK	
4	Chưa xác định	chưa xác định	289 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	780	177.7	LUC	
5	Chưa xác định	chưa xác định	292 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	783	623.8	LUC	
6	Chưa xác định	chưa xác định	293 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	784	807.0	LUC	
7	Chưa xác định	chưa xác định	294 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	785	536.0	LUC	
8	Chưa xác định	chưa xác định	240 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	689	437.6	LUC	
9	Chưa xác định	chưa xác định	300 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	801	127.6	LUC	
10	Chưa xác định	chưa xác định	306 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	807	233.1	HNK	
11	Chưa xác định	chưa xác định	310 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	809	33.6	LUC	
12	Chưa xác định	chưa xác định	357 /TB - UBND ngày30/3/2026	64	795	406.0	LUC	
13	Chưa xác định	chưa xác định	317 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	847	533.0	LUC	
14	Chưa xác định	chưa xác định	318 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	853	685.6	LUC	
15	Chưa xác định	chưa xác định	321 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	856	295.0	LUC	
16	Chưa xác định	chưa xác định	322 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	857	352.0	LUC	
17	Chưa xác định	chưa xác định	323 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	858	625.0	LUC	
18	Chưa xác định	chưa xác định	324 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	859	607.0	LUC	
19	Chưa xác định	chưa xác định	331 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	907	780.0	LUC	
20	Chưa xác định	chưa xác định	336 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	912	633.0	LUC	
21	Chưa xác định	chưa xác định	337 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	913	626.0	LUC	
22	Chưa xác định	chưa xác định	349 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	1240	161.7	LUC	
23	Chưa xác định	chưa xác định	353 /TB - UBND ngày30/3/2026	64	742	277.4	LUC	
24	Chưa xác định	chưa xác định	362 /TB - UBND ngày30/3/2026	64	800	1211.0	LUC	
25	Chưa xác định	chưa xác định	363 /TB - UBND ngày30/3/2026	64	801	3.0	HNK	
26	Chưa xác định	chưa xác định	364 /TB - UBND ngày30/3/2026	64	841	0.4	LUC	

27	Chưa xác định	chưa xác định	365 /TB - UBND ngày30/3/2026	64	842	523.9	LUC	
28	Chưa xác định	chưa xác định	376 /TB - UBND ngày30/3/2026	64	885	1710.8	CLN	
29	Chưa xác định	chưa xác định	393 /TB - UBND ngày30/3/2026	64	953	16.8	CLN	
30	Chưa xác định	chưa xác định	406 /TB - UBND ngày30/3/2026	64	1029	5966.0	NTS	
31	Chưa xác định	chưa xác định	452 /TB - UBND ngày30/3/2026	87	856	425.5	CLN	
32	Chưa xác định	chưa xác định	455 /TB - UBND ngày30/3/2026	87	755	2832.7	NTS	
33	Chưa xác định	chưa xác định	457 /TB - UBND ngày30/3/2026	87	762	2789.2	NTS	
34	Chưa xác định	chưa xác định	460 /TB - UBND ngày30/3/2026	87	769	8803.5	NTS	
35	Chưa xác định	chưa xác định	461 /TB - UBND ngày30/3/2026	87	770	2883.2	LUK	
36	Chưa xác định	chưa xác định	463 /TB - UBND ngày30/3/2026	88	405	74.6	LUC	
37	Chưa xác định	chưa xác định	475 /TB - UBND ngày30/3/2026	88	479	189.9	LUC	
38	Chưa xác định	chưa xác định	476 /TB - UBND ngày30/3/2026	88	480	201.9	LUC	
39	Chưa xác định	chưa xác định	485 /TB - UBND ngày30/3/2026	88	544	202.0	LUC	
40	Chưa xác định	chưa xác định	532 /TB - UBND ngày30/3/2026	101	42	360.0	HNK	
41	Chưa xác định	chưa xác định	517 /TB - UBND ngày30/3/2026	100	22	23.8	LUC	
42	Chưa xác định	chưa xác định	504 /TB - UBND ngày30/3/2026	89	640	731.3	LUC	
43	Chưa xác định	chưa xác định	505 /TB - UBND ngày30/3/2026	89	641	1604.1	LUC	
44	Chưa xác định	chưa xác định	507 /TB - UBND ngày30/3/2026	89	676	7081.0	NTS	
45	Chưa xác định	chưa xác định	266 /TB - UBND ngày30/3/2026	63	1162	449.0	LUK	
46	Chưa xác định	chưa xác định	103 /TB - UBND ngày 30/3/2026	37	800	1809.5	NKH	
47	Chưa xác định	chưa xác định	104 /TB - UBND ngày 30/3/2026	37	1022	135.6	CLN	
48	Chưa xác định	chưa xác định	108 /TB - UBND ngày30/3/2026	55	34	1418.1	HNK	
49	Chưa xác định	chưa xác định	171 /TB - UBND ngày30/3/2026	56	516	486.4	CLN	
50	Chưa xác định	chưa xác định	176 /TB - UBND ngày30/3/2026	56	527	162.4	CLN	
51	Chưa xác định	chưa xác định	180 /TB - UBND ngày30/3/2026	56	542	328.5	LUK	
Tổng Cộng						58,967.5		